

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1677/UBND-NC

Bắc Giang, ngày 20 tháng 5 năm 2019

V/v báo cáo công tác tư pháp

Kính gửi: Sở Tư pháp

Ngày 16/5/2019, Bộ Tư pháp có Công văn số 1746/BTP-VP về việc báo cáo kết quả công tác tư pháp 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2019; Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lại Thanh Sơn có ý kiến như sau:

Giao Sở Tư pháp báo cáo kết quả công tác tư pháp 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2019, theo nội dung Công văn số 1746/BTP-VP nêu trên; kết quả báo cáo Bộ Tư pháp và Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 16/6/2019.

(Kèm theo Công văn số 1746/BTP-VP ngày 16/5/2019 của Bộ Tư pháp)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- TT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

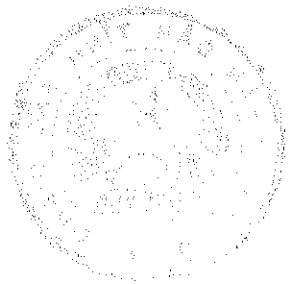
Bản điện tử:

- CT, PCT TT UBND tỉnh;
- CVP, PCVPNC, TH.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



[Handwritten signature]
Lê Tuấn Phú



h/1



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1746**/BTP-VP

Hà Nội, ngày **16** tháng 5 năm 2019

V/v báo cáo kết quả công tác tư pháp
6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp
công tác 6 tháng cuối năm 2019

Kính gửi: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ (ban hành kèm theo Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01/10/2016 của Chính phủ), để có cơ sở đánh giá kết quả công tác tư pháp 6 tháng đầu năm và xác định các nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2019, Bộ Tư pháp kính đề nghị các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng báo cáo sơ kết, thống kê số liệu theo hướng dẫn như sau:

1. Xây dựng báo cáo sơ kết

a) Phạm vi báo cáo

- Tám nhóm nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2019 (tại mục I.2, Phần thứ hai của Báo cáo số 13/BC-BTP ngày 15/01/2019 của Bộ Tư pháp về tổng kết công tác tư pháp năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2019).

- Chương trình hành động của ngành Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-BTP ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

- Chương trình, kế hoạch công tác pháp chế năm 2019 của cơ quan.

b) Nội dung báo cáo

- Những kết quả công việc đã hoàn thành, đạt tỷ lệ phần trăm so với mục tiêu, chỉ tiêu của cả năm 2019 và so sánh với kết quả 6 tháng đầu năm 2018 (kèm theo số liệu, dẫn chứng cụ thể).

- Tình hình phối hợp công tác với Bộ Tư pháp trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Những hạn chế, vướng mắc trong công tác; nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc.

- Đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm thực hiện công tác tư pháp, pháp chế trong 6 tháng cuối năm 2019.

- Kiến nghị đối với công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp (nếu có).

(Đề cương Báo cáo sơ kết kèm theo Công văn này được đăng tải tại Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp. www.moj.gov.vn, mục "Chỉ đạo điều hành")

2. Thông kê số liệu

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện thông kê số liệu theo 03 biểu mẫu; cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện thông kê số liệu theo 01 biểu mẫu quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thông kê của Ngành Tư pháp (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).

3. Thời gian, thời hạn và địa chỉ gửi báo cáo, thông kê số liệu

a) **Thời gian thông kê số liệu:** Số liệu thông kê tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/5/2019 (số liệu ước tính của tháng 6/2019 sẽ do Bộ Tư pháp thực hiện).

b) **Thời hạn, địa chỉ gửi báo cáo sơ kết, thông kê số liệu:**

Báo cáo sơ kết, biểu mẫu thông kê gửi về Bộ Tư pháp **trước ngày 16 tháng 6 năm 2019** bằng hình thức văn bản điện tử bản chụp văn bản giấy dưới dạng file pdf hoặc bản điện tử có chữ ký số (theo địa chỉ hộp thư: tonghopvpb@moj.gov.vn và thongketuphap@moj.gov.vn).

(Mọi chi tiết, xin liên hệ: (1) Về nội dung báo cáo, đồng chí Lê Tuấn Phong, Trưởng Phòng Tổng hợp - Kiểm soát TTHC, Văn phòng Bộ, số điện thoại: 024.62739312/0912288050; (2) Về nội dung thông kê, đồng chí Trần Thị Diệu Thúy, Trưởng Phòng Thống kê, Cục Kế hoạch - Tài chính, số điện thoại: 024.62739546/0978234119)

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP (TH), KHTC (TK).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Khánh Ngọc



PHỤ LỤC

Danh mục biểu báo cáo thống kê định kỳ 06 tháng thuộc trách nhiệm báo cáo của các Bộ, ngành theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp

(Kèm theo Công văn số: 1746/BTP-VP ngày 16/5/2019 của Bộ Tư pháp)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
<i>Các biểu báo cáo thống kê thuộc trách nhiệm báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (03 biểu)</i>		
1	01d/BTP/VĐC/XDPL	Số VBQPPL do bộ, ngành chủ trì soạn thảo, đã được ban hành; Số dự thảo VBQPPL do tổ chức pháp chế Bộ, Ngành thẩm định
2	04c/BTP/KTrVB/KTTTQ	Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ
3	09e/BTP/PBGDPL	Tình hình tổ chức và hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật tại các bộ, ngành và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị xã hội
<i>Các biểu báo cáo thống kê thuộc trách nhiệm báo cáo của các cơ quan thuộc Chính phủ (01 biểu)</i>		
1	09e/BTP/PBGDPL	Tình hình tổ chức và hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật tại các bộ, ngành và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị xã hội

BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2019**

Phần thứ nhất:

TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất VBQPPL và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

- Về xây dựng pháp luật, thẩm định, góp ý VBQPPL: Nêu rõ số lượng, đánh giá về chất lượng công tác xây dựng pháp luật, thẩm định (bao gồm cả việc chuẩn bị hồ sơ thẩm định), góp ý VBQPPL.

- Về kiểm tra VBQPPL: Kết quả kiểm tra theo thẩm quyền, trong đó nêu rõ số lượng văn bản được kiểm tra? số văn bản trái pháp luật đã được phát hiện? trong đó, bao nhiêu văn bản sai nội dung? bao nhiêu văn bản sai thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai cả nội dung và thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai khác? Đánh giá về hậu quả của việc ban hành văn bản trái pháp luật; đồng thời gửi kèm danh mục những văn bản trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được phát hiện qua công tác kiểm tra theo thẩm quyền (nếu có).

Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật: số văn bản đã được xử lý, số văn bản chưa được xử lý? Việc xử lý trách nhiệm do ban hành văn bản trái pháp luật.

- Về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL: Kết quả rà soát thường xuyên, rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực; việc công bố văn bản hết hiệu lực.

- Tình hình thực hiện công tác hợp nhất VBQPPL, công tác pháp điển hệ thống QPPL.

- Kết quả tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và bố trí kinh phí, nhân lực cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất.

2. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Kết quả triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch công tác PBGDPL: tập trung phản ánh kết quả triển khai tuyên truyền, phổ biến các Luật, Pháp lệnh mới ban hành; nội dung, hình thức PBGDPL; thông tin pháp luật trên Cổng/Trang thông tin điện tử, cơ quan báo chí, truyền thông. Các mô hình, cách làm đổi mới, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai PBGDPL cho Nhân dân. Việc triển khai thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 28/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng

dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021” và các đề án về PBGDPL.

- Kết quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Việc xây dựng, triển khai các văn bản, kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; kết quả triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP.

3. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

- Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính;

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật (việc thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật; các lĩnh vực trọng tâm đã thực hiện...). Tình hình thực hiện “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 – 2022 (theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Công tác giám định tư pháp, hộ tịch, lý lịch tư pháp, bồi thường nhà nước (đối với các Bộ liên quan)

- Đánh giá chung về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp ở các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Bộ Ngoại giao cung cấp thông tin, đánh giá về tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch; việc bố trí, đào tạo viên chức làm công tác lãnh sự; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; việc theo dõi, phát hiện và chấn chỉnh các sai phạm trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch (nếu có).

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cung cấp thông tin về các nội dung sau: (1) kết quả chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các văn bản, đề án trong lĩnh vực lý lịch tư pháp; (2) kết quả phối hợp cung cấp thông tin LLTP cho Trung tâm LLTP quốc gia và Sở Tư pháp; (3) công tác tra cứu, xác minh thông tin LLTP để cấp Phiếu LLTP; (4) công tác rà soát thông tin LLTP. Ngoài ra, đề nghị Bộ Công an cung cấp thông tin và đánh giá tình hình thực hiện Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 về việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP.

- Về công tác bồi thường nhà nước, trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) Tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; (2) tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả (tổng số vụ việc yêu cầu bồi thường (số vụ việc từ kỳ trước chuyển sang, vụ việc thụ lý mới), vụ việc đã giải quyết, tổng số tiền theo quyết định giải quyết bồi thường, số tiền đã chi trả, số tiền đã hoàn trả); (3) công tác phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật TNBTCNN năm 2017.

5. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về tư pháp và pháp luật

- Về công tác pháp luật quốc tế: tham gia giải quyết tranh chấp quốc tế (nếu có).

- Về công tác hợp tác quốc tế về pháp luật (nếu có).

6. Về xây dựng, củng cố tổ chức pháp chế

Tình hình xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ chức pháp chế tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; số lượng, chất lượng đội ngũ làm công tác pháp chế.

7. Về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

Tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại khoản 6, Điều 23, Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (*Số lượng văn bản đã cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật/Số lượng văn bản đã ban hành; số lượng văn bản đã kiểm tra, rà soát theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 52/2015/NĐ-CP; thực hiện việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật về Trang hoặc Mục văn bản quy phạm pháp luật trên Công hoặc Trang thông tin điện tử của Bộ, ngành; việc rà soát văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật*).

III . ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về những kết quả nổi bật.
2. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân.

Phần thứ hai:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

1. Nhiệm vụ công tác tư pháp 6 tháng cuối năm 2019 (*nhiệm vụ trên các lĩnh vực công tác cụ thể nêu tại mục II, Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo*).
2. Giải pháp chủ yếu.
3. Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Số: 1746/BTP-VP

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2019

V/v báo cáo kết quả công tác tư pháp
6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp
công tác 6 tháng cuối năm 2019

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quy chế làm việc của Chính phủ (ban hành kèm theo Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01/10/2016 của Chính phủ), để có cơ sở đánh giá kết quả công tác tư pháp 6 tháng đầu năm và xác định các nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2019, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc xây dựng báo cáo sơ kết, thống kê số liệu theo hướng dẫn như sau:

1. Xây dựng báo cáo sơ kết

a) Phạm vi báo cáo

- Tám nhóm nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2019 (tại mục I.2, Phần thứ hai của Báo cáo số 13/BC-BTP ngày 15/01/2019 của Bộ Tư pháp về tổng kết công tác tư pháp năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2019).

- Chương trình hành động của ngành Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-BTP ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

- Chương trình, kế hoạch công tác tư pháp năm 2019 của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Nội dung báo cáo

- Những kết quả công việc đã hoàn thành, đạt tỷ lệ phần trăm so với mục tiêu, chỉ tiêu của cả năm 2019 và so sánh với kết quả 6 tháng đầu năm 2018 (kèm theo số liệu, dẫn chứng cụ thể).

- Những hạn chế, vướng mắc trong công tác; nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc.

- Đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm thực hiện công tác tư pháp 6 tháng cuối năm 2019.

- Kiến nghị đối với công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp (nếu có):

(Đề cương Báo cáo sơ kết kèm theo Công văn này được đăng tải tại Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp, www.moj.gov.vn, mục "Chỉ đạo điều hành")

2. Thống kê số liệu

Thống kê số liệu được thực hiện theo 13 biểu mẫu quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này*).

3. Thời gian, thời hạn và địa chỉ gửi báo cáo, thống kê số liệu

a) **Thời gian thống kê số liệu:** Số liệu thống kê tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/5/2019 (số liệu ước tính của tháng 6/2019 sẽ do Bộ Tư pháp thực hiện).

b) **Thời hạn, địa chỉ gửi báo cáo sơ kết, thống kê số liệu:**

Báo cáo sơ kết, biểu mẫu thống kê gửi về Bộ Tư pháp trước ngày **25 tháng 6 năm 2019** bằng hình thức văn bản điện tử bản chụp văn bản giấy dưới dạng file pdf hoặc bản điện tử có chữ ký số (theo địa chỉ hộp thư: tonghopvpb@moj.gov.vn và thongketuphap@moj.gov.vn).

Lưu ý: Việc gửi Báo cáo, biểu mẫu thống kê đảm bảo về chất lượng, hình thức và thời hạn theo đúng yêu cầu của Công văn này là một trong những tiêu chí chấm điểm thi đua để xét, đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019.

Đồng thời, để thuận lợi trong phối hợp công tác, đề nghị các tỉnh/thành phố cập nhật danh sách Lãnh đạo Sở Tư pháp theo Mẫu gửi kèm Công văn này.

(Mọi chi tiết, xin liên hệ: (1) Về nội dung báo cáo, đồng chí Lê Tuấn Phong, Trưởng Phòng Tổng hợp – Kiểm soát TTHC, Văn phòng Bộ, số điện thoại: 024.62739312/0912288050; (2) Về nội dung thống kê, đồng chí Trần Thị Diệu Thúy, Trưởng Phòng Thống kê, Cục Kế hoạch - Tài chính, số điện thoại: 024.62739546/0978234119)

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các Sở Tư pháp (để thực hiện);
- Công Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP (TH), KHTC (TK).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Khánh Ngọc



PHỤ LỤC

Danh mục biểu báo cáo thống kê định kỳ 06 tháng thuộc trách nhiệm báo cáo của Sở Tư pháp theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp

(Kèm theo Công văn số: 1146/BTP-VP ngày 16/5/2019 của Bộ Tư pháp)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	01c/BTP/VĐC/XDPL	Số VBQPPL được ban hành trên địa bàn tỉnh; Số dự thảo VBQPPL do cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh thẩm định
2	04b/BTP/KTrVB/KTTTQ	Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh
3	08b/BTP/BTTP/LSTN	Tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh
4	09d/BTP/PBGDPL	Tình hình tổ chức và hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh
5	11d/BTP/PBGDPL/HGCS-TCPL	Kết quả hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh
6	12b/BTP/BTTP/CC	Tình hình tổ chức và hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh
7	17c/BTP/HTQTCT/CT	Kết quả chứng thực của Phòng Tư pháp và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh
8	19/BTP/LLTP	Số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp
9	20a/BTP/LLTP	Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý của Sở Tư pháp
10	21/BTP/LLTP	Số người có lý lịch tư pháp
11	22c/BTP/CN/TN	Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh
12	24/BTP/TGPL	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý
13	25/BTP/TGPL	Số vụ việc trợ giúp pháp lý

..... ngày

tháng 06 năm 2019

DANH SÁCH LÃNH ĐẠO SỞ TƯ PHÁP
(Tính đến ngày 01 tháng 5 năm 2019)

Đơn vị tính các cột 14, 15: Năm

TT	Họ và tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Trình độ chính trị	Trình độ ngoại ngữ	Ngày kết nạp Đảng	Ngành công chức	Năm vào biên chế	Thời gian làm công tác TP	Thời gian bổ nhiệm chức vụ hiện nay	Tính ủy viên/ Thành ủy viên	Chức vụ trước khi bổ nhiệm
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Chú chú:

Cột 8: Ghi theo trình độ chuyên môn Luật cao nhất

Cột 10: ghi rõ tên ngoại ngữ và trình độ ngoại ngữ

Cột 18: ghi trình độ chuyên môn khác (nếu có) và các nội dung khác (nếu có)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2019

Phần thứ nhất:

TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Triển khai các văn bản của cấp trên;
- Kiểm tra, hướng dẫn về công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

- Về xây dựng pháp luật, thẩm định, góp ý VBQPPL: Nêu rõ số lượng, đánh giá về chất lượng công tác xây dựng pháp luật, thẩm định (bao gồm cả việc chuẩn bị hồ sơ thẩm định), góp ý VBQPPL.

- Về kiểm tra VBQPPL: Kết quả kiểm tra theo thẩm quyền, trong đó nêu rõ số lượng văn bản được kiểm tra? số văn bản trái pháp luật đã được phát hiện? trong đó, bao nhiêu văn bản sai nội dung? bao nhiêu văn bản sai thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai cả nội dung và thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai khác? Đánh giá về hậu quả của việc ban hành văn bản trái pháp luật; đồng thời gửi kèm danh mục những văn bản trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được phát hiện qua công tác kiểm tra theo thẩm quyền (nếu có).

Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật: số văn bản đã được xử lý, số văn bản chưa được xử lý? Việc xử lý trách nhiệm do ban hành văn bản trái pháp luật.

- Về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL: Kết quả rà soát thường xuyên, rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực; việc công bố văn bản hết hiệu lực.

- Kết quả tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và bố trí kinh phí, nhân lực cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa.

2. Công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hòa giải ở cơ sở

- Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác PBGDPL; các văn bản, kế hoạch triển khai, hướng dẫn công tác PBGDPL năm 2019.

- Kết quả triển khai thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; triển khai Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-

2021 và các Đề án về PBGDPL; triển khai các Chương trình phối hợp về công tác PBGDPL với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (nếu có). Việc triển khai thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 28/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021”.

- Kết quả triển khai thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; kết quả hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở. Việc triển khai thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022”.

- Kết quả thực hiện quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Các hoạt động đã thực hiện; kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 (số đơn vị cấp xã đạt chuẩn, chưa đạt chuẩn).

- Số liệu về kinh phí dành cho công tác PBGDPL, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở 3 cấp và hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở năm 2019 tại địa phương.

3. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

- Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính;

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật (việc thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật; các lĩnh vực trọng tâm đã thực hiện...). Tình hình thực hiện “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 – 2022 (theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, bồi thường nhà nước

- Về công tác hộ tịch, đề nghị báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành; việc đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch; tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch, thực hiện Đề án cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc; việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động quốc gia về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024.

- Về công tác quốc tịch, đề nghị:

+ Đánh giá tình hình thực hiện tại 10 tỉnh có chung đường biên giới với Lào “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam với Chính phủ nước CHDCND Lào về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước”;

+ Tình hình phối hợp với Công an tỉnh trong việc triển cấp Thẻ thường trú cho người di cư tự do từ Campuchia về; Cập nhật bổ sung và cung cấp số liệu người dân di cư từ Campuchia về từ cuối năm 2016 đến nay đối với 10 tỉnh có

chung đường biên giới với Campuchia và 02 tỉnh Cà Mau, Đồng Nai khi thực hiện Tiểu Đề án “Giải quyết các vấn đề quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người dân di cư tự do từ Campuchia về nước”.

- Về lĩnh vực chứng thực, tình hình thi hành Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản tại địa phương.

- Về công tác nuôi con nuôi, trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi; (2) Tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước (tổng số trường hợp đăng ký, số vụ việc bị thu hồi, huỷ bỏ, con nuôi thực tế, nuôi con nuôi ở khu vực biên giới, con nuôi nhà chùa); (3) nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (tổng số trường hợp đăng ký, số vụ việc bị thu hồi, huỷ bỏ); (4) việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Tư pháp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về giải quyết việc nuôi con nuôi.

- Về công tác lý lịch tư pháp (LLTP), trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) kết quả chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các văn bản, đề án trong lĩnh vực LLTP; (2) tình hình cấp phiếu LLTP: Tổng số hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu; tổng số Phiếu đã cấp; tổng số Phiếu cấp đúng hạn, cấp trễ hạn; việc triển khai cấp phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp phiếu LLTP trực tuyến; việc triển khai thực hiện Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 về việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP; (3) công tác xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP: Tổng số thông tin LLTP nhận được; tổng số thông tin LLTP đã xử lý; tổng số bản LLTP đã lập và số tồn chưa xử lý; (4) việc rà soát đối tượng người bị kết án đương nhiên được xóa án tích theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; (5) Về phối hợp liên ngành trong công tác LLTP.

- Về công tác bồi thường nhà nước, trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) Tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; (2) tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả (tổng số vụ việc yêu cầu bồi thường (số vụ việc từ kỳ trước chuyển sang, vụ việc thụ lý mới), vụ việc đã giải quyết, tổng số tiền theo quyết định giải quyết bồi thường, số tiền đã chi trả, số tiền đã hoàn trả); (3) công tác phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật TNBTCNN năm 2017.

5. Quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Tình hình tổ chức và hoạt động của luật sư trong nước, của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; việc chuẩn bị và tổ chức đại hội Đoàn luật sư ở địa phương; tình hình tổ chức và hoạt động công chứng, việc chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng theo quy định; tình hình tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản; việc triển khai các quy định về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; việc triển khai Nghị định hòa giải thương mại; hoạt động quản lý về giám định tư pháp, thừa phát lại, trọng tài thương mại. Việc thực hiện chủ trương xây dựng các “đơn vị đầu tàu” dẫn dắt các hoạt động hỗ trợ tư pháp như công chứng, đấu giá tài sản... ở địa phương.

- Kết quả công tác trợ giúp pháp lý: Tình hình thực hiện Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết thi hành; tình hình triển khai Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025; kết quả thực hiện TGPL tại địa phương.

- Kết quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Việc xây dựng, triển khai các văn bản, kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; kết quả triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP.

6. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về tư pháp và pháp luật

- Về công tác pháp luật quốc tế: tham gia giải quyết tranh chấp quốc tế (nếu có).

- Về công tác hợp tác quốc tế về pháp luật (nếu có).

7. Công tác xây dựng Ngành; đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học pháp lý

- Hoàn thiện thể chế, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan tư pháp, pháp chế. Tình hình thực hiện Công văn số 308-CV/BCSD ngày 16/8/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đề nghị phối hợp chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp địa phương.

- Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong công tác tư pháp và công tác cán bộ Ngành Tư pháp.

- Thống kê đội ngũ cán bộ Lãnh đạo Sở Tư pháp theo Biểu mẫu gửi kèm.

- Công tác nghiên cứu khoa học pháp lý.

8. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Nêu kết quả trong từng lĩnh vực cụ thể.

9. Quản lý nhà nước về công tác pháp chế

Quản lý nhà nước trong công tác pháp chế; tình hình xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chất lượng đội ngũ làm công tác pháp chế...

10. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính; thi đua khen thưởng

- Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm cả: (1) tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại khoản 6, Điều 23, Nghị định số 52/2015/NĐ-CP; trong đó nêu rõ: Số lượng văn bản đã cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật/Số lượng văn bản đã ban hành; thực hiện việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật về Cổng thông tin điện tử của tỉnh/thành phố, việc rà soát văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; (2) tình hình triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch: tình hình khai thác, cập nhật dữ liệu hộ tịch, khó khăn, vướng mắc (nếu có).

- Công tác cải cách hành chính.

- Công tác thi đua khen thưởng.

III . ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về những kết quả nổi bật.
2. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân.

Phần thứ hai:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

1. Nhiệm vụ công tác tư pháp 6 tháng cuối năm 2019 (*nhiệm vụ trên các lĩnh vực công tác cụ thể nêu tại mục II, Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo*).
2. Giải pháp chủ yếu.
3. Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

